

Số: 30/QĐ-PKT

Hòa thành, ngày 27 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022
của Phòng Kinh tế thị xã Hòa Thành

TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ THỊ XÃ HOÀ THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 7189/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của chủ tịch UBND thị xã Hòa Thành về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022 trên địa bàn thị xã Hòa Thành;

Căn cứ Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch UBND thị xã Hòa Thành về việc giao bổ sung dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022 trên địa bàn thị xã Hòa Thành;

Căn cứ thông báo số 101/TB-PTCKH, ngày 26/4/2022 của Phòng tài chính về xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 đối với đơn vị phòng Kinh tế thị xã.

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Quyết toán số liệu dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách năm 2022 của Phòng Kinh tế thị xã Hòa Thành.

(Theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị, bộ phận có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng Tài chính-KH;
- Kho bạc NN Tây Ninh;
- Lưu: PKT.

TRƯỞNG PHÒNG

PHỤ LỤC SỐ 1
CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Đơn vị: Phòng Kinh tế thị xã Hòa Thành
Mã chương: 620; Mã số ĐV SDNS: 1031072

(Kèm theo Quyết định số: 30/QĐ-PKT ngày 27 tháng 04 năm 2023)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Quyết toán
(1)	(2)	(3)	
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
I	Số thu phí, lệ phí	65.000.000	23.400.000
1	Phí thẩm định cấp GCN các cơ sở đủ điều kiện về VSATTP lĩnh vực công thương	35.000.000	3.100.000
2	Phí thẩm định cấp GCN các cơ sở đủ điều kiện về VSATTP lĩnh vực nông nghiệp	30.000.000	20.300.000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	24.000.000	16.240.000
1	Chi từ nguồn trích 20% tổng số tiền thu phí thẩm định cấp GCN các cơ sở đủ điều kiện về VSATTP lĩnh vực Nông nghiệp	24.000.000	16.240.000
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	41.000.000	7.160.000
1	Phí thẩm định cấp GCN các cơ sở đủ điều kiện về VSATTP lĩnh vực công thương (Chi nộp 100%)	35.000.000	3.100.000
2	Phí thẩm định cấp GCN các cơ sở đủ điều kiện về VSATTP lĩnh vực Nông nghiệp (Chi nộp 20%)	6.000.000	4.060.000
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	936.275.000	924.627.549
I	Nguồn ngân sách trong nước		
1	Chi quản lý hành chính	838.251.549	835.231.449
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	810.251.549	810.251.549
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	28.000.000	24.979.900
2	Chi sự nghiệp	117.000.000	114.376.000
1	Kinh phí chi sự nghiệp Khoa học công nghệ	117.000.000	114.376.000